TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BẢO THẮNG** TỈNH LÀO CAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2019/HS-ST
Ngày 24 - 4 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Thu Hằng
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lý Thị Dín
Ông Vũ Trung Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Giang Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đình Lương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 12/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2019 theo Quyết đinh đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 3 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/HSST - QĐ ngày 10/4/2019 đối với bị cáo:

Trịnh Xuân Đ (Tên gọi khác: Không) - Sinh ngày 17/02/1990 tại huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai;

Nơi ở trước khi bị bắt: Tổ dân phố số 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai.

Nghề nghiệp: Công nhân Công ty TNHH khoáng sản và luyện kim V, thuộc khu công nghiệp T, huyện B, tỉnh Lào Cai (hợp đồng lao động từ ngày 02/5/2014). Ngày 28/01/2019 Trịnh Xuân Đ bị Công ty chấm dứt hợp đồng lao động; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Xuân H, sinh năm 1954 và con bà: Mai Thị G, sinh năm 1957 hiện đều trú tại: Thôn P, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Vợ thứ nhất: Nguyễn Thị Hương G, sinh năm 1991 (đã ly hôn năm 2016); Vợ thứ hai: Trần Thị T, sinh năm 1994; Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn P, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi ở: Tổ dân phố số 1, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai; Bị cáo có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân bị cáo: Bị cáo chưa có án tích, chưa bị xử lý vi phạm hành chính

Bị cáo bị tạm giữ ngày 24/01/2019, tạm giam ngày 30/01/2019, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

Bị hại: Chị Đào Thị Phương T, sinh năm: 1986. Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai; Nơi ở: Thôn P, xã P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Người làm chứng:

1. Anh Vũ Văn K, sinh năm 1994. Địa chỉ: Tổ dân phố số 3, thị trấn P, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt.

2. Bà Mai Thị G, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

3. Anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

4. Chị Trịnh Thu H, sinh năm 1981. Địa chỉ: Thôn P, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 10/2018, Trịnh Xuân Đ cho anh Nguyễn Mạnh C, sinh năm 1990, trú tại Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai mượn điện thoại Iphone 8 để truy cập vào mạng xã hội facebook. Sau khi anh C trả điện thoại, Đ đăng nhập facebook thì thấy phần ứng dụng messenger vẫn còn nick của anh C. Đ mở ra đọc thấy nội dung tin nhắn giữa anh C và nick facebook có tên Đào Phương T có 03 đoạn video quay cảnh quan hệ tình dục giữa anh Nguyễn Mạnh C và chị Đào Thị Phương T, sinh năm 1986, trú tại: Thôn H, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Đ lưu lại 03 đoạn video này vào zalo của Đ với mục đích để trêu đùa anh C. Đến đầu tháng 01/2019, do gặp nhiều khó khăn về kinh tế, nên Đ nảy sinh ý định dùng những đoạn video clip trên gửi cho chị T, nhằm mục đích đe dọa, uy hiếp chị T phải đưa tiền cho Đ, nếu không đưa Đ sẽ phát tán các video đó lên mạng xã hội. Để thực hiện ý định đó, ngày 06/01/2019, Đ mua 02 chiếc sim của nhà mạng Vinaphone, loại sim không đăng ký chính chủ, Đ không nhớ rõ số thuê bao. Ngày 08/01/2019, Đ lắp 01 trong 02 sim vào máy điện thoại Iphone 8 của Đ và đăng ký một tài khoản zalo có nick là "Ngọc Anh" và lấy ảnh đại diện là ảnh của một người phụ nữ copy trên mạng. Ngày 12/01/2019, Đ dùng nick zalo "Ngọc Anh" kết bạn với chị T (tên nick zalo Đào Thị Phương T). Sau khi chị T đồng ý kết bạn, Đ chụp ảnh của đoạn video quan hệ tình dục giữa chị T và anh C gửi vào zalo của chị T và yêu cầu chị T phải đưa 50 triệu đồng, nếu không đưa thì Đ sẽ phát tán video lên mạng xã hội. Nhiều ngày sau đó, Đ tiếp tục nhắn tin và gửi hình ảnh đe dọa chị T và yêu cầu chị T ngày 25/01/2019 phải đưa Đ 50.000.000 đồng. Lo sợ nên chị T đã vay mượn và chuẩn bị đủ tiền để đưa cho Đ. Ngày 22/01/2019, chị T nhắn tin cho Đ theo nick zalo "Ngọc Anh" với nội dung đã chuẩn bị đủ tiền và hẹn đưa tiền cho Đ vào ngày 23/01/2019. Để chiếm đoạt được tiền của chị T, khoảng 23 giờ 30 phút ngày 22/01/2019, Đ sang nhà Vũ Văn K, sinh năm 1994, trú tại Tổ dân phố số 3, thị trấn P, huyện B nói với K là "Trưa mai anh sang đón đi lấy tiền với anh", K hỏi "đi lấy tiền ở đâu", Đ trả

lời "cứ đi cùng anh khắc biết" và Đ hứa với K nếu lấy được tiền sẽ cho K 1.000.000đ, K đồng ý nhận lời. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 23/01/2019, Đ điều khiển xe máy sirius màu đen trắng biển kiểm soát 24B1-287.04 đến đón K và đi theo quốc lộ 4E hướng lên thành phố L. Trên đường đi Đ nhắn tin hẹn gặp chị T ở cầu P, thành phố L để giao tiền, chị T nhắn tin lại với lý do bận việc và đang bị say rượu nên về muộn. Do sốt ruột nên Đ nhắn tin dặn chị T khi đi qua trạm điện xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai, Đ sẽ chỉ địa điểm giao tiền. Đ điều khiển xe chở K đi đến thôn T, xã G, huyện B, tỉnh Lào Cai là nơi giáp ranh với khu vực nghĩa trang phường T, thành phố L thì dừng xe lại. Tại đây, Đ dặn K xuống đường ở bên dưới đợi, khi có người phụ nữ đến thì hỏi "Chị có phải chị T không, em chỗ anh D, em lấy tiền cho anh D" (khi nhắn tin với chị T qua zalo, Đ lấy tên giả là D). Nếu chị T hỏi về chiếc điện thoại thì nói tí nữa có người nhắn tin chỉ chỗ cất điện thoại cho chị T, nếu thấy chị T đi một mình thì lấy tiền, đi đông người thì không lấy, nếu Đ ra hiệu vẫy tay thì lấy tiền nếu Đ đan tay chéo trước ngực thì không lấy tiền, đồng thời Đ tiếp tục hứa với K sau khi lấy được tiền thì Đ cho K một triệu đồng. K nghe theo Đ một mình đi xuống dưới đường đợi, còn Đ đứng ở trên đồi cách K gần 50m để quan sát và ra ám hiệu cho K. Sau đó, Đ sử dụng điện thoại Nokia 3310 có lắp 01 sim Vinaphone gọi và hướng dẫn chị T đi đến địa điểm giao tiền. Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 23/01/2019, chị T đi xe máy đến địa điểm theo chỉ dẫn của Đ. Khi chị T đến nơi, K nói "Em ở chỗ anh D, chị có phải chị T không? Em lấy tiền cho anh D", chị T trả lời "đúng rồi" và chị T hỏi K "Thế video của chị đâu" thì K nói "Tý nữa có người gửi video cho chị", chị T lấy bọc tiền được quấn bằng túi nilon màu đỏ, bên trong có một phong bì thư đựng 50.000.000 đồng từ trong túi ra đưa cho K. Khi đó, K nhìn lên phía Đ, thì Đ quan sát không thấy có ai đi theo chị T nên đã vẫy tay ra hiệu cho K, K liền cầm bọc tiền từ tay chị T rồi chạy về phía chân ta luy leo lên chỗ Đ đang đứng quan sát. Sau đó, cả hai cùng ra vị trí xe mô tô Đ dựng sẵn trước đó, tại đây K đưa tiền cho Đ rồi cả hai đi xe máy lên thành phố L vào quán trà đá ven đường uống nước. Lúc này Đ kiểm tra số tiền chiếm đoạt được của chị T là 50.000.000 đồng, gồm 100 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng. Đ đưa cho K 1.000.000 đồng là tiền riêng của Đ, sau đó K xin thêm Đ đồng ý cho thêm 100.000 đồng để mua thuốc lá. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, Đ và K đi xe máy về thôn P, xã X, huyện B. Đ đem 50.000.000 đồng gửi mẹ đẻ là bà Mai Thị G, sinh năm 1957, trú tại thôn P, xã X cất hộ. Khi gửi tiền Đ nói với bà G "Đây là tiền làm ăn của con mẹ cất hộ con", sau đó Đ quay ra điều khiển xe máy chở K về nhà. Khi về đến nhà, K nghi ngờ việc làm của Đ nên đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B trình báo nội dung sự việc và giao nộp số tiền 1.100.000 đồng. Căn cứ việc khai báo của K, 18 giờ ngày 23/01/2019, Cơ quan điều tra đã triệu tập Đ đến làm việc. Qua đấu tranh, Đ đã khai nhận hành vi phạm tội của bản thân.

Tại biên bản mở niêm phong, kiểm tra tiền vật chứng và tái niêm phong vật chứng vào ngày 25/01/2019. Đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện B đã sử dụng máy đếm tiền có khả năng phát hiện tiền giả để

kiểm tra. Kết quả xác định 100 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng tiền do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành đều là tiền thật.

Tại bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 11/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Trịnh Xuân Đ về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Điểm d Khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân Đ phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản" theo Điểm d Khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự. Trong đó:

Về hình phạt chính: Đề nghị áp dụng Điểm d Khoản 2 Điều 170; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trịnh Xuân Đ từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản riêng, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 8, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, đã qua sử dụng, kiểu máy MN8J2J/A, số seri: F8LSL8V7HFYP, số IMEI: 355149886721389 lắp sim vinaphone, số thuê bao 0916170290; 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu vàng, bàn phím màu trắng số sêri 1: 358573082479148, số sêri 2: 35857308631946 lắp sim viettel, số thuê bao 0975134155 của Trịnh Xuân Đ.

Tuyên tiếp tục tạm giữ 1.100.000 đồng của Trịnh Xuân Đ để đảm bảo thi hành án.

Đề nghị tuyên án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, bị hại theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Trịnh Xuân Đ khai nhận tháng 01/2019 bị cáo mua sim không chính chủ trên mạng về lập nick zalo kết bạn với chị T và chụp ảnh cảnh quan hệ tình dục giữa chị T và anh C từ video gửi cho chị T uy hiếp tinh thần, yêu cầu chị T phải đưa cho bị cáo 50.000.000 đồng nếu không sẽ phát tán các đoạn video đó trên mạng xã hội. Ngày 23/01/2019 do lo sợ chị T đã đưa cho bị cáo 50.000.000 đồng thông qua K (người bị cáo nhờ đi lấy tiền hộ). Lời khai nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác đã có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở để khẳng định bản cáo trạng số 12/CT-VKS ngày 11/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai truy tố bị cáo Trịnh Xuân Đ về tội "Cưỡng đoạt tài sản" theo Điểm d Khoản 2 Điều 170 Bộ luật hình sự với tình

tiết định khung là "chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng" là hoàn toàn có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự và hiểu biết pháp luật. Song do không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, ham ăn chơi đua đòi khi không có tiền trả nợ bị cáo đã bất chấp các quy định của pháp luật lao vào con đường phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận quần chúng nhân dân. Vì vậy đối với bị cáo cần phải có một mức án nghiêm khắc để cải tạo giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[2]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hội đồng xét xử xét thấy, sau khi bị bắt và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, tài sản cũng đã thu hồi được toàn bộ trả cho chủ sở hữu, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, ngoài ra bị cáo có bố đẻ là ông Trịnh Xuân H được tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhì vì đã có thành tích trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước và là người tham gia kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học do Mỹ sử dụng trong chiến tranh Việt Nam được hưởng trợ cấp hàng tháng. Vì vậy cần áp dụng cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điểm h, s Khoản 1; Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ phần nào trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

[3]. Về các vấn đề có liên quan trong vụ án:

Đối với Vũ Văn K là người được bị cáo nhờ đi lấy tiền hộ. Quá trình điều tra xác định khi đi lấy tiền, K không biết việc Đ dùng video đe dọa, uy hiếp chị T để chiếm đoạt tài sản, sau khi lấy được tiền do nghi ngờ việc làm của bị cáo nên K đã báo công an và giao nộp lại số tiền 1.100.000 đồng. Do đó Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý, xét thấy là đúng quy định của pháp luật.

Đối với bà Mai Thị G là người cất giữ tiền hộ bị cáo, khi cất giữ bà G không biết đó là tiền do bị cáo phạm tội mà có và không liên quan đến vụ án nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý, xét thấy là có căn cứ đúng pháp luật.

Đối với chị Trịnh Thu H là người cho bị cáo mượn chiếc xe mô tô Yamaha sirius biển kiểm soát 24B1-287.04. Quá trình điều tra xác định chị H không biết bị cáo sử dụng xe mô tô chị cho mượn làm phương tiện đi cưỡng đoạt tài sản, nên Cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không đề cập xử lý, xét thấy là phù hợp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có tài sản riêng, nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Chị Đào Thị Phương T là bị hại trình bày bị cáo Trịnh Xuân Đ đe dọa ép buộc chị nên chị đã đưa cho bị cáo 50.000.000 đồng Đến nay cơ quan điều tra đã thu hồi trả đủ cho chị 50.000.000 đồng, chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thiệt hại, vì vậy Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6]. Về vật chứng của vụ án:

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 8, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, đã qua sử dụng, kiểu máy MN8J2J/A, số seri: F8LSL8V7HFYP, số IMEI: 355149886721389; 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu vàng, bàn phím màu trắng số sêri 1: 358573082479148, số sêri 2: 35857308631946 và 1.100.000 đồng của Trịnh Xuân Đ. Xét thấy đây là công cụ phương tiện phạm tội nên cần tuyên tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 sim vinaphone số thuê bao 0916170290 và 01 sim viettel số thuê bao 0975134155 của Trịnh Xuân Đ, xét thấy không còn giá trị sử dụng nên cần tuyên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 50.000.000 đồng tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam; 01 điện thoại Iphone 6S plus màu hồng trắng, số thuê bao 0969877846 là tài sản của chị Đào Thị Phương T, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị T.

Đối với 01 điện thoại Iphone 6, số thuê bao 0914921907 là tài sản của anh Nguyễn Mạnh C, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho anh Nguyễn Mạnh C.

Đối với 01 xe mô tô Yamaha sirius biển kiểm soát 24B1-287. Quá trình điều tra, xác định chiếc xe trên thuộc sở hữu của chị Trịnh Thu H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Thắng đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị H.

Sau khi nhận lại tài sản chị T, anh C và chị H không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[7]. Về án phí: Bị cáo Trịnh Xuân Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Về đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo:

Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên về hình phạt chính đối với bị cáo là phù hợp quy Đ của pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và việc tranh tụng tại phiên tòa để quyết định mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9]. Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Xét thấy trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp, đúng với quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điểm d Khoản 2 Điều 170; Điểm h, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân Đ phạm tội: "Cưỡng đoạt tài sản", xử phạt bị cáo Trịnh Xuân Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/01/2019.

2. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và Khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tuyên tịch thu: 01 điện thoại di động Iphone 8, mặt trước màu trắng, mặt sau màu hồng, đã qua sử dụng, kiểu máy MN8J2J/A, số seri: F8LSL8V7HFYP, số IMEI: 355149886721389; 01 điện thoại di động Nokia 3310 màu vàng, bàn phím màu trắng số sêri 1: 358573082479148, số sêri 2: 35857308631946 và 1.100.000đ (Một triệu một trăm nghìn đồng) tiền ngân hàng Nhà nước Việt Nam của Trịnh Xuân Đ để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Tuyên tịch thu 01 sim vinaphone có số thuê bao 0916170290 và 01 sim viettel số thuê bao 0975134155 của Trịnh Xuân Đ không còn giá trị sử dụng để tiêu hủy.

3. Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Trịnh Xuân Đ phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND tỉnh Lào Cai;
- VKSND Bảo Thắng;
- Công an Bảo Thắng (2);
- PC 81; Sở tư pháp tỉnh LC;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Thi hành án hình sự (2);
- Lưu HS,TA,VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Thị Thu Hằng